

Chương IV **MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ**

BÀI 20 LỚP VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Biết được cấu trúc của lớp vỏ địa lí.
- Trình bày được khái niệm về quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí ; nguyên nhân, các biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật này.
- Biết phân tích để thấy rõ mối quan hệ mật thiết giữa các thành phần tự nhiên trong lớp vỏ địa lí.

2. Về kĩ năng

- Phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các thành phần của tự nhiên.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được những ví dụ về các hiện tượng nhằm minh hoạ quy luật.

3. Về thái độ, hành vi

- HS có ý thức và hành động hợp lí bảo vệ tự nhiên phù hợp với quy luật của nó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Phóng to Sơ đồ lớp vỏ địa lí của Trái Đất – hình 20.1, tr. 74 SGK.
- Tranh ảnh về sự tàn phá rừng, đất bị xói mòn, lũ lụt.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

– Lớp vỏ địa lí là một khái niệm trừu tượng, cho nên khi đề cập tới vấn đề này, GV cần sử dụng Sơ đồ lớp vỏ địa lí của Trái Đất để HS thấy rõ giới hạn của chúng.

Khái niệm lớp vỏ địa lí còn mang tính tổng hợp vì nó bao gồm các lớp vỏ thành phần : khí quyển, thuỷ quyển, thạch quyển, thổ nhưỡng quyển và sinh quyển. Mỗi lớp vỏ có những quy luật vận động và phát triển riêng, nhưng vì chúng xâm nhập vào nhau nên sự vận động của từng lớp vỏ sẽ ảnh hưởng tới sự vận động và phát triển của các lớp vỏ khác. Do đó lớp vỏ địa lí cũng phải vận động, phát triển.

– Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là kiến thức địa lí quan trọng, chúng đã được khái quát hoá để phản ánh bản chất của các mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, vì thế khái niệm về quy luật thống nhất và hoàn chỉnh là một khái niệm trừu tượng. Để HS nhận thức được quy luật, GV cần nêu những ví dụ về sự xâm nhập, trao đổi vật chất và năng lượng giữa các thành phần tự nhiên. Ví dụ : nước, khí và chất khoáng thường xuyên xâm nhập vào cơ thể sinh vật qua quá trình dinh dưỡng và quang hợp, nhưng đồng thời thực vật cũng thường xuyên trả về môi trường những chất đó qua sự bốc hơi, hô hấp và sự phân huỷ xác của chúng. Những tác động qua lại đó đã tạo nên một hệ thống vật chất thống nhất và hoàn chỉnh.

– Trong từng ví dụ nêu ra trong SGK, GV cần chỉ rõ cho HS thấy những hiện tượng hoặc thành phần tự nhiên nào là nguyên nhân và đâu là kết quả ; đồng thời, chỉ ra cho HS thấy thực chất cũng là xem xét mối quan hệ nhân quả, nhưng ở đây là mối quan hệ nhân quả hết sức phức tạp.

Ví dụ : phá rừng (nguyên nhân) sẽ làm khí hậu thay đổi (hậu quả 1), đất bị xói mòn (hậu quả 2), hạn hán, lũ lụt ở đồng bằng (hậu quả 3), động vật hoang dã bị thu hẹp diện phân bố (hậu quả 4) v.v...

2. Về phương pháp

GV nên dùng phương pháp giảng giải để thực hiện bài này. GV nên trình bày theo cách diễn dịch : Trước hết nêu quy luật, sau đó nêu dẫn chứng bằng những biểu hiện của quy luật. GV cũng cần kết hợp với phương pháp đọc tài liệu (GV sưu tầm một số tài liệu về sự suy thoái môi trường do tác động của con người).

Ví dụ : thảm hoạ sinh thái của hồ (biển) A-ran, hiện tượng hoang mạc hoá ở châu Phi, châu Á, Tây Hoa Kỳ, Bắc Mê-hi-cô).

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Ở chương III bài 7 – các em đã biết về Trái Đất. Bài này đề cập tới một lớp vỏ mới : Vỏ địa lí. Vậy giữa chúng có gì khác nhau ?

2. Tổ chức dạy học

a) *Gợi ý dạy mục I : Lớp vỏ địa lí*

GV treo sơ đồ lớp vỏ địa lí trên bảng và đặt câu hỏi : Quan sát vị trí của lớp vỏ địa lí và kiến thức đã học ở bài sinh quyển, hãy cho biết : Lớp vỏ địa lí bao gồm những quyển nào ? Giới hạn phía trên và dưới của lớp vỏ địa lí.

b) *Gợi ý dạy mục II : Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí*

+ Biểu hiện của quy luật : GV yêu cầu HS phân tích các ví dụ trong SGK để thấy được sự thay đổi của thành phần tự nhiên này sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần tự nhiên khác theo phản ứng dây chuyền. GV có thể chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Một số nhóm thảo luận ví dụ 1, một số nhóm thảo luận ví dụ 2, một số nhóm thảo luận ví dụ 3.

GV cũng có thể cung cấp thêm ví dụ cho HS, hoặc yêu cầu HS tìm thêm ví dụ về sự thay đổi dây chuyền của các thành phần tự nhiên.

Ví dụ : Hoang mạc A-ta-ca-ma nằm dọc theo bờ tây của lục địa Nam Mỹ. Tại đây có dòng biển lạnh Pê-ru chảy gần bờ, khoảng từ vĩ tuyến 40° N đến $2^{\circ} - 3^{\circ}$ N. Vào mùa hạ ở bán cầu Bắc, dòng biển này chảy lên tới Xích đạo. Vào mùa đông dòng biển Pê-ru yếu đi ; cũng vào thời kì đó, dòng biển nóng En Nhi-nô từ Xích đạo tiến xuống phía Nam. Cứ khoảng 12 năm một lần, thường vào tháng 2, tháng 3 dòng En Nhi-nô tiến sâu tới vĩ tuyến $12^{\circ} - 13^{\circ}$ N. Vào lúc đó, những trận mưa rào đổ xuống, các thung lũng khô biến thành dòng sông, đất đai trở nên ẩm ướt, nhiều loài thực vật và động vật phát triển nhanh chóng... Tình trạng như vậy của cảnh quan kéo dài từ 2 đến 4 tháng, sau đó dòng En Nhi-nô lại lùi lên phía Bắc và dòng lạnh Pê-ru trở lại vị trí bình thường của mình ; trong hoang mạc, những trận mưa không còn nữa, thực vật bị khô cháy, các dòng nước bị cạn kiệt và sâu bọ cũng biến mất. A-ta-ca-ma lại trở về trạng thái hoang mạc vốn có của nó.

+ Ý nghĩa thực tiễn của quy luật

GV có thể cho HS phân tích các ví dụ để rút ra ý nghĩa thực tiễn của quy luật. GV cũng nên cho HS tìm thêm ví dụ ở địa phương để minh chứng cho ý nghĩa thực tiễn của quy luật, hậu quả của việc không tính toán kỹ lưỡng khi sử dụng tự nhiên.

GV cũng có thể sử dụng sơ đồ về chuỗi quan hệ nhân quả để thấy sự cần thiết phải nghiên cứu kỹ tự nhiên trước khi sử dụng vào mục đích kinh tế hoặc có thể đặt câu hỏi : Cuộc sống của nhân dân địa phương (khu vực miền núi) sẽ ra sao, nếu như rừng của địa phương bị đốn chặt phá bừa bãi ? Lũ lụt ngày càng tăng ? Các câu hỏi này sẽ kích thích suy nghĩ của HS về sự biến đổi dây chuyền của tự nhiên, lo lắng về những thảm họa xảy ra trong tương lai, nếu con người không dự báo được sự biến đổi của tự nhiên. Từ đó, HS thấy được sự cần thiết phải cẩn trọng trong ứng xử với tự nhiên.